Chi tiết mã HS 8708.40.13

Mã HS	8708.40.13
Mô tả hàng hóa	Bộ phận và phụ kiện của xe có động cơ thuộc các nhóm từ 87.01 đến 87.05 / - Hộp số và bộ phận của chúng: / - - Hộp số, chưa lắp hoàn chỉnh: / - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 21:22:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/87084013/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17452
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17452
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17452
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-ID, PH, CN)	0% (trừ ID, PH, CN)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,2	1,2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
CPTPP	0/1,8; M: 0/2,7	0/1,8; M: 0/2,7	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
RCEP (Phụ lục C)	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E16766
ATIGA	2022	2022	0	AT!E16695
ATIGA	2023	2023	0	AT!F16695
ATIGA	2024	2024	0	AT!G16695
ATIGA	2025	2025	0	AT!H16695
ATIGA	2026	2026	0	AT!I16695
ATIGA	2027	2027	0	AT!J16695
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E16751
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	AJ!F16751
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	AJ!G16751

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	AJ!H16751
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	AJ!I16751
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	AJ!J16751
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E16752
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	VJ!F16752
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	VJ!G16752
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	VJ!H16752
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	VJ!I16752
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	VJ!J16752
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		*	AK!F16753
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H16712
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F16709
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G16709
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H16709
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I16709
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J16709
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K16709
VKFTA	2022	2022	10	VK!E16751
VKFTA	2023	2023	10	VK!F16751
VKFTA	2024	2024	10	VK!G16751
VKFTA	2025	2025	10	VK!H16751
VKFTA	2026	2026	10	VK!I16751
VKFTA	2027	2027	10	VK!J16751
VCFTA	2022	2022	3	VC!D16817
VCFTA	2023	2023	3	VC!E16817
VCFTA	2024	2024	0	VC!F16817

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G16817
VCFTA	2026	2026	0	VC!H16817
VCFTA	2027	2027	0	VC!I16817
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D16793
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E16793
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F16793
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G16793
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H16793
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I16793
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D16788
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E16788
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F16788
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G16788
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H16788
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I16788
EVFTA	2022	2022	6,2	EV-NK!D16808
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E16808
EVFTA	2024	2024	3,7	EV-NK!F16808
EVFTA	2025	2025	2,5	EV-NK!G16808
EVFTA	2026	2026	1,2	EV-NK!H16808
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I16808
UKVFTA	2022	2022	6,2	UKV!D16807
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E16807
UKVFTA	2024	2024	3,7	UKV!F16807
UKVFTA	2025	2025	2,5	UKV!G16807
UKVFTA	2026	2026	1,2	UKV!H16807

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I16807
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!16819
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!16819
RCEP A	2022	2022	10	RCEPT-A!D16778
RCEP A	2023	2023	10	RCEPT-A!E16778
RCEP A	2024	2024	10	RCEPT-A!F16778
RCEP A	2025	2025	10	RCEPT-A!G16778
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H16778
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I16778
RCEP B	2022	2022	10	B!D16778
RCEP B	2023	2023	10	B!E16778
RCEP B	2024	2024	10	B!F16778
RCEP B	2025	2025	10	B!G16778
RCEP B	2026	2026	10	B!H16778
RCEP B	2027	2027	10	B!I16778
RCEP C	2022	2022	*	C!D16776
RCEP C	2023	2023	*	C!E16776
RCEP C	2024	2024	*	C!F16776
RCEP C	2025	2025	*	C!G16776
RCEP C	2026	2026	*	C!H16776
RCEP C	2027	2027	*	C!I16776

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	10	D!D16775
RCEP D	2023	2023	10	D!E16775
RCEP D	2024	2024	10	D!F16775
RCEP D	2025	2025	10	D!G16775
RCEP D	2026	2026	10	D!H16775
RCEP D	2027	2027	10	D!I16775
RCEP E	2022	2022	10	E!D16779
RCEP E	2023	2023	10	E!E16779
RCEP E	2024	2024	10	E!F16779
RCEP E	2025	2025	10	E!G16779
RCEP E	2026	2026	10	E!H16779
RCEP E	2027	2027	10	E!I16779
RCEP F	2022	2022	10	F!D16778
RCEP F	2023	2023	10	F!E16778
RCEP F	2024	2024	10	F!F16778
RCEP F	2025	2025	10	F!G16778
RCEP F	2026	2026	10	F!H16778
RCEP F	2027	2027	10	F!I16778
VIFTA	2024	2024	9	VI!F15729
VIFTA	2025	2025	8	VI!G15729
VIFTA	2026	2026	7	VI!H15729
VIFTA	2027	2027	6	VI!I15729

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 10%, RCEP (Phụ lục B) 10%, RCEP (Phụ lục D) 10%, RCEP (Phụ lục E) 10%, RCEP (Phụ lục F) 10%, VKFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8708.40 có 11 dòng thuế; dòng 8708.40.13 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05.	8708.40.11 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03; 8708.40.14 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8708.40.19 Loại khác; 8708.40.25 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.01; 8708.40.26 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.03; 8708.40.27 Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8708.40.13 có mã Chương 98 tương ứng 9849.34.42 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Dùng cho xe thuộc nhóm 87.04 hoặc 87.05	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8708.40.13. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 8708.40.13 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17452), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.